



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát; thẩm định báo cáo tài chính 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát công ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về nội dung, kết quả kiểm tra giám sát như sau:

I/ Tình hình tổ chức nhân sự

Ban Kiểm soát công ty gồm có 3 thành viên:

- | | |
|------------------------|------------|
| - Bà Võ Trần Thúy Tâm | Trưởng ban |
| - Ông Đỗ Phú Hồng Quân | Thành viên |
| - Bà Phạm Thị Hiên | Thành viên |

Trưởng ban làm việc theo chế độ chuyên trách, 2 thành viên còn lại làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ nhằm đảm bảo hoạt động của công ty phù hợp với Điều lệ, Quy chế và các quy định của pháp luật hiện hành.

II/ Kết quả kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát

1. Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

- Công tác quản trị được thực hiện theo đúng pháp luật, các quy định đối với hoạt động công ty nghiêm túc, điều lệ hoạt động của công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị đã tích cực, chủ động, bám sát các mục tiêu, định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 và tình hình thực tiễn trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty để có các chỉ đạo kịp thời, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

- Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị đã ban hành 8 Nghị quyết và 10 quyết định. Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến vấn đề chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác tổ chức nhân sự, công tác lao động tiền lương... Hoạt động của Hội đồng quản trị được thực hiện đúng với quy định của Pháp luật, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và các quy định hiện hành có liên quan.

- Hoạt động quản trị đảm bảo tính công khai và minh bạch, tập trung vào chiến lược kinh doanh và hướng đến mục tiêu hiệu quả.

- Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường theo hình thức mở rộng để các thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chuyên môn tham gia đúng theo quy định tại Điều lệ công ty, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các cuộc họp đều được ghi biên bản và ban hành Nghị quyết chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện. Ngoài ra, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua một số vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền của.

- Trong các phiên họp Hội đồng quản trị nói riêng và hoạt động của Hội đồng quản trị nói chung, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia tương đối đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao.

2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc công ty đã bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao. Công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc luôn có sự năng động và cẩn trọng. Luôn tuân thủ các chế độ, quy định, chính sách pháp luật, Điều lệ, Quy chế, Nghị quyết trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, hướng đến mục tiêu đời sống người lao động, phát triển sản xuất kinh doanh nhằm đạt mục tiêu lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua từ đầu năm.

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nhiều giải pháp tăng cường công tác quản lý tài chính thông qua việc quản lý các khoản chi phí, công nợ khách hàng, quản lý công tác nghiệp vụ hướng đến mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra.

- Chủ động triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, nhằm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, với cổ đông và chăm lo đời sống cho người lao động.

- Tập trung giải quyết các mặt còn hạn chế của công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu chi phí.

3. Về công tác thẩm định Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc, là đơn vị đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết, kết quả kiểm toán được xác nhận theo Báo cáo kiểm toán số 135/2024/BCKT-PB.00396 ngày 20/02/2024.

- Ý kiến của Kiểm toán viên về các báo cáo tài chính trong năm 2023 của công ty là ý kiến chấp nhận toàn phần như sau: *“Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp”*.

- Qua công tác thẩm định báo cáo tài chính 2023, Ban kiểm soát thống nhất số liệu, chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cũng như ý kiến nhận xét của đơn vị kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2023 của công ty, cụ thể như sau:

a. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Chênh lệch	
					Tuyệt đối	%
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	33.225.396.481	34.422.278.652	(1.196.882.171)	-3,48%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.557.859.564	7.580.654.861	(3.022.795.297)	-39,88%
1	Tiền	111	4.557.859.564	7.580.654.861	(3.022.795.297)	-39,88%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	12.053.998.210	13.852.196.334	(1.798.198.124)	-12,98%
1	Phải thu khách hàng	131	12.948.323.863	11.790.751.260	1.157.572.603	9,82%
2	Trả trước cho người bán	132	238.705.000	695.948.986	(457.243.986)	-65,70%
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	2.549.372.563	3.993.969.855	(1.444.597.292)	-36,17%
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(3.682.403.216)	(2.628.473.767)	(1.053.929.449)	40,10%
IV	Hàng tồn kho	140	15.243.213.154	12.348.956.861	2.894.256.293	23,44%
1	Hàng tồn kho	141	15.243.213.154	12.348.956.861	2.894.256.293	23,44%
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	1.370.325.553	640.470.596	729.854.957	113,96%
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	908.644.383	640.470.596	268.173.787	41,87%
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	15.276.266		15.276.266	
3	Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	446.404.904		446.404.904	
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	3.325.190.337	3.647.252.594	(322.062.257)	-8,83%
II	Tài sản cố định	220	2.549.512.976	3.092.632.544	(543.119.568)	-17,56%
1	Tài sản cố định hữu hình	221	2.549.512.976	3.092.632.544	(543.119.568)	-17,56%
	Nguyên giá	222	26.768.701.234	27.790.351.234	(1.021.650.000)	-3,68%
	Giá trị hao mòn	223	(24.219.188.258)	(24.697.718.690)	478.530.432	-1,94%
2	Tài sản cố định vô hình	227	-	-	-	
	Nguyên giá	228	399.392.840	399.392.840	-	0,00%
	Giá trị hao mòn	229	(399.392.840)	(399.392.840)	-	0,00%
VI	Tài sản dài hạn khác	260	775.677.361	554.620.050		
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	775.677.361	554.620.050	221.057.311	39,86%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	36.550.586.818	38.069.531.246	(1.518.944.428)	-3,99%

0-0
CỔ
CỔ
THỂ
2018

STT	Chỉ tiêu	Mã	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Chênh lệch	
					Tuyệt đối	%
C	NỢ PHẢI TRẢ	300	10,937,393,186	9,814,512,894	1,122,880,292	11.44%
I	Nợ ngắn hạn	310	10,937,393,186	9,814,512,894	1,122,880,292	11.44%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	3,141,283,388	2,660,848,261	480,435,127	18.06%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	409,007,615		409,007,615	
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	313	26,111,763	461,678,060	(435,566,297)	-94.34%
4	Phải trả người lao động	314	2,838,695,911	3,638,748,596	(800,052,685)	-21.99%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22,589,042	-	22,589,042	
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	81,517,432	198,972,943	(117,455,511)	-59.03%
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	3,500,000,000	2,840,000,000	660,000,000	23.24%
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	918,188,035	14,265,034	903,923,001	6336.63%
II	Nợ dài hạn	330	-	-	-	
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	25,613,193,632	28,255,018,352	(2,641,824,720)	-9.35%
I	Vốn chủ sở hữu	410	25,613,193,632	28,255,018,352	(2,641,824,720)	-9.35%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	22,000,000,000	22,000,000,000	-	0.00%
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	22,000,000,000	22,000,000,000	-	0.00%
2	Quỹ đầu tư phát triển	418	2,294,591,369	2,294,591,369	-	0.00%
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1,318,602,263	3,960,426,983	(2,641,824,720)	-66.71%
	LN chưa phân phối kỳ này	421b	1,318,602,263	3,960,426,983	(2,641,824,720)	-66.71%
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	270	36,550,586,818	38,069,531,246	(1,518,944,428)	-3.99%

Giải thích/ lưu ý các biến động lớn so với đầu kỳ

* Tài sản:

- Tiền và tương đương tiền (mã số 110) giảm 3,022 tỷ đồng giảm 39,88% chủ yếu tăng do tiền mặt cuối kỳ tăng.

- Phải thu ngắn hạn khách hàng (mã số 131) tăng 1,157 tỷ tăng 9,82% chủ yếu là do:

+ Trong năm công tác thu hồi công nợ của công ty thực hiện tốt, khách hàng thanh toán đúng hạn, cuối kỳ tăng do tăng doanh thu xuất khẩu cuối năm và không tăng khách hàng có công nợ khó đòi mới.

- Phải thu ngắn hạn khác (mã số 136) giảm 1,444 tỷ, giảm 36,17% do giảm khoản tiền lương chi vượt của các năm trước.

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (mã số 137) tăng 1,053 tỷ, tăng 40,10% do tăng dự phòng phải thu nợ khó đòi khách hàng xuất khẩu.

- Tài sản cố định (mã số 220) giảm 543 triệu đồng giảm 17,56% do công ty không đầu tư máy tài sản cố định, công ty chưa sử dụng nguồn khấu hao để đầu tư thiết bị mới. Trong năm công ty thanh lý tài sản cố định hết khấu hao.

* Nguồn vốn

- Phải trả người bán ngắn hạn (mã số 311) tăng 480 triệu đồng, tăng 18,06% do tăng các khoản thanh toán các khoản nợ cho khách hàng cuối năm.

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (mã số 313) giảm 435 triệu đồng, giảm 94,34% do năm 2023 công ty đã nộp hết tiền thuế TNDN phải nộp cuối kỳ.

- Phải trả người lao động (mã số 314) giảm 800 triệu đồng, giảm 21,99% do tiền lương chưa chi trả trong tháng 12/2023 giảm hơn so với đầu năm.

- Phải trả ngắn hạn khác (mã số 319) giảm 117 triệu đồng, giảm 59,03% do cuối kỳ giảm khoản phải trả khác.

- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (mã số 320) tăng 600 triệu đồng, tăng 23,24% do cuối năm công ty tăng vay ngắn hạn.

- Vốn chủ sở hữu (mã số 400) giảm 2,641 tỷ đồng, giảm 9,35% chủ yếu giảm do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm hơn năm 2022.

b. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023

- Năm 2023, nền kinh tế trong nước đã phục hồi sau dịch Covid-19, người tiêu dùng tiêu thụ sản phẩm thể thao nhiều hơn do đó hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã đạt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, BKS đánh giá cao sự nỗ lực trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất cùng với những giải pháp kịp thời của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty, cụ thể.

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	
					Tuyệt đối	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	85.533.095.872	91.245.506.738	(5.712.410.866)	-6,26%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	4.268.586.904	3.709.168.302	559.418.602	15,08%
3	Doanh thu thuần	10	81.264.508.968	87.536.338.436	(6.271.829.468)	-7,16%
4	Giá vốn hàng bán	11	64.465.243.603	69.099.876.908	(4.634.633.305)	-6,71%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng	20	16.799.265.365	18.436.461.528	(1.637.196.163)	-8,88%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	319.167.943	265.154.854	54.013.089	20,37%
7	Chi phí tài chính	22	378.419.177	530.937.244	(152.518.067)	-28,73%
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	<i>378.419.177</i>	<i>512.170.421</i>	<i>(133.751.244)</i>	<i>-26,11%</i>
8	Chi phí bán hàng	25	4.387.075.330	4.798.319.461	(411.244.131)	-8,57%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.562.819.828	12.208.430.566	(1.645.610.738)	-13,48%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.790.118.973	1.163.929.111	626.189.862	53,80%
11	Thu nhập khác	31	36.363.636	6.207.533.523	(6.171.169.887)	
12	Chi phí khác	32	68.700.692	2.409.069.588	(2.340.368.896)	-97,15%
13	Lợi nhuận khác	40	(32.337.056)	3.798.463.935	(3.830.800.991)	-100,85%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.757.781.917	4.962.393.046	(3.204.611.129)	-64,58%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	439.179.654	1.001.966.063	(562.786.409)	-56,17%
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	1.318.602.263	3.960.426.983	(2.641.824.720)	-66,71%

*** Giải thích/lưu ý các biến động lớn so với năm 2022:**

Doanh thu bán hàng giảm 5,712 tỷ đồng, giảm 6,26% so với năm 2022, trong đó:
 + Doanh thu sản phẩm chính (bóng thể thao): 68,735 tỷ đồng giảm 8,614 tỷ đồng, giảm 11,14% so với năm 2022.

+ Doanh thu cao su: 15,630 tỷ đồng, tăng 6,048 tỷ đồng tăng 63,12% so với năm 2022.

+ Doanh thu khác: 1,167 tỷ đồng, giảm 3,144 tỷ đồng giảm 72,93% so với năm 2022.

Các khoản giảm trừ doanh thu tăng 559 triệu đồng, tăng 15,08% so với năm 2022 làm cho doanh thu thuần trong năm 2023 giảm 6,271 tỷ đồng, giảm 7,16% so với năm 2022.

Kết quả lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 626 triệu đồng, tăng 53,8% so với năm 2022, chủ yếu là do: chí phí tài chính giảm 152 triệu đồng, giảm 28,7% so với năm 2022, chi phí bán hàng giảm 411 triệu, giảm 8,57% so với năm 2022, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 1,645 tỷ đồng, giảm 13,48% so với năm 2022.

Thuế TNDN năm 2023 giảm 562 triệu so với năm 2022 giảm 56,17% do năm 2023 công ty không có khoản thu nhập khác.

Căn cứ các biến động trên cho thấy: Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

c. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu tại ngày 31/12/2023

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu kỳ (01/01/2023)	Đánh giá, nhận xét
1	Đòn cân nợ và cơ cấu tài sản nguồn vốn				
1,1	Cơ cấu tài sản:				
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	9,10%	9,58%	TS dài hạn chiếm tỷ trọng thấp, cơ cấu TS dài hạn/Tổng TS giảm cho thấy nguồn tài sản cố định đang giảm dần theo từng năm. Cơ cấu vốn của Công ty chuyển dần sang TS ngắn hạn.
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	%	90,90%	90,42%	Công ty chủ yếu sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để sản xuất kinh doanh.
1,2	Cơ cấu nguồn vốn				
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	29,92%	25,78%	Nợ phải trả chiếm tỷ trọng thấp trong tổng nguồn vốn => an toàn tài chính nhưng lại không chiếm dụng được vốn từ nguồn bên ngoài
	- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn Vốn	%	70,08%	74,22%	Hệ số tự tài trợ cao => cơ cấu vốn bền vững
1,3	Tỷ trọng vốn vay và nợ				
	- Nợ ngắn hạn/ Tổng nguồn vốn	%	29,92%	25,78%	Công ty chủ yếu nợ ngắn hạn, không có nợ dài hạn nên áp lực trả nợ cao
2	Khả năng thanh toán				
2,1	Tỷ lệ thanh toán tổng quát				
	- Tổng tài sản / Nợ phải trả	lần	3,34	3,88	Chỉ số này trung bình => Công ty có khả năng thanh toán nợ. Tuy nhiên năm 2023 tỷ lệ này giảm hơn so với năm 2022
2,2	Tỷ lệ thanh toán hiện hành				
	- Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	lần	3,04	3,51	Tỷ lệ này >1 khả năng thanh toán trong ngắn hạn vẫn đảm bảo nhưng năm 2023 thấp hơn 2022

Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu kỳ (01/01/2023)	Đánh giá, nhận xét
Chỉ số sinh lời				
Tỷ suất Lợi nhuận/Doanh thu				
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,62%	4,52%	Tỷ suất giảm hơn so với năm 2022 do giảm khoản thu nhập khác.
- Tỷ suất Lợi nhuận gộp/ Doanh thu	%	20,67%	21,06%	Tỷ suất năm 2023 thấp hơn 2022, công ty cần tiết giảm chi phí trong sản xuất, kiểm soát nguyên, nhiên vật liệu trong định mức sản xuất
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,88%	2,48%	Chỉ số này thấp tài sản bỏ vào 100 đồng thì chỉ nhận 0,88 đồng lợi nhuận sau thuế, mức này thấp hơn so với năm 2022 (vì 2022 có thu nhập từ bồi thường mất bằng)
Chỉ số hoạt động				
Số vòng quay các khoản phải thu	lần	6,57	6,92	Vòng quay phải thu đã giảm hơn năm 2022 <2 tháng (chủ yếu do không thu được khoản tiền của khách hàng peru dẫn đến số vòng quay thấp)
- Thời gian thu tiền bình quân	ngày	54,80	52,03	
- Số vòng quay các khoản phải trả	lần	22,22	24,39	Vòng quay phải trả thấp bình quân 15 ngày thanh toán 1 lần, công ty chưa chiếm dụng được nguồn vốn từ các khoản nợ bên ngoài
- Thời gian trả tiền bình quân	ngày	16,20	14,76	
Số vòng quay hàng tồn kho	lần	4,67	5,56	Vòng quay tương đối chậm => do trong năm 2023 công ty sản xuất cầm chừng trong 6 tháng cuối năm để bán hàng tồn trong kho.
- Thời gian quay vòng của hàng tồn kho	ngày	77,04	64,74	

Từ các chỉ tiêu tài chính trên ta thấy các chỉ số của công ty đã có những chuyển biến không tốt bằng năm 2022. Đến thời điểm 31/12/2023 công ty vẫn hoạt động bình thường.

d. Thực hiện phân phối lợi nhuận:

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2023 ngày 31/3/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phân phối lợi nhuận như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động: 1.388.700.000 đồng. Các nguồn chi quỹ phúc lợi đều có sự phối hợp giữa Tổng Giám đốc và Chủ tịch Công đoàn quyết định việc sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi theo đúng các quy định của pháp luật, quy chế và thỏa ước lao động tập thể.

- Trích quỹ khen thưởng cho người quản lý: 174.528.000 đồng

- Chia cổ tức: 10,896% tương đương 2.397.198.983 đồng, đã chi trả ngày 25/9/2023 theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

e. Việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty

Công ty thực hiện việc đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn theo Khoản 3, Điều 22 Nghị định 918/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp. Cụ thể theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023

	01/01/2023	31/12/2023
- Vốn chủ sở hữu của Công ty	28.255.018.352	25.613.193.632
Trong đó:		
+ Vốn góp của chủ sở hữu	22.000.000.000	22.000.000.000
+ Quỹ đầu tư phát triển	2.294.591.369	2.294.591.369
+ Cổ phiếu quỹ	-	-
+ LNST chưa phân phối	3.960.426.983	1.318.602.263
- Tổng tài sản:	38.069.531.246	36.550.586.818
- Lợi nhuận sau thuế	3.960.426.983	1.318.602.263

Hệ số bảo toàn vốn = $0,906 < 1$. Như vậy trong năm 2023, hệ số bảo toàn và phát triển được vốn thấp do lợi nhuận sau thuế giảm 2,642 tỷ đồng.

* Đánh giá chung:

- Với chỉ tiêu hệ số bảo toàn vốn cho thấy năm 2023 Công ty chưa bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu, vì hệ số $H < 1$. Tuy nhiên, do năm 2022 có khoản thu nhập bất thường nên hệ số mới < 1 . Còn về thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023 thì Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Xét về chỉ tiêu tỷ suất sinh lời tính trên doanh thu và vốn chủ sở hữu thì đạt kết quả tốt theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu thì kết quả năm 2023 giảm so với năm 2022. Tuy nhiên mức giảm chủ yếu do năm 2022 có lợi nhuận khác là khoản bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng mang lại là 2,6 tỷ đồng còn 2023 không có khoản thu nhập bất thường này.

- Chỉ tiêu khả năng thanh toán nợ hiện hành và hệ số nợ phải trả cho thấy công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ.

f. Nhận xét, đánh giá vấn đề khác tại ngày 31/12/2023.

- Các khoản phải thu: Tổng giá trị các khoản nợ phải thu khách hàng là 12,053 tỷ đồng, trong đó có các khoản phải thu quá hạn với giá trị đã lập dự phòng là 3,682 tỷ đồng. Trong năm Công ty tăng khoản trích dự phòng nợ phải thu nợ khó đòi 1,054 tỷ đồng (khách hàng Peru).

- Tồn kho: Giá trị hàng tồn kho: 15,243 tỷ đồng tăng hơn so với đầu năm, chiếm 69,29% vốn điều lệ, cho thấy lượng dự trữ hàng tồn kho cao hơn năm 2022.

- Đầu tư khác: Trong năm 2023, Công ty không tiến hành đầu tư máy móc thiết bị mà chủ yếu mua sắm công cụ dụng cụ nhằm sửa chữa máy móc thiết bị dẫn đến quy trình

công nghệ của công ty chưa cải tiến, năng suất lao động bình quân chưa tăng, cho nên sản lượng sản xuất và tiêu thụ chưa tăng vì đa số sử dụng lao động chân tay.

- Tiền lương: Năm 2023, Công ty đã quyết toán quỹ lương với Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo công văn thỏa thuận 325//CSVN-LĐTL ngày 06/02/2024 như sau:

Tổng quỹ lương thực hiện trong năm quyết toán: 16.180.847.559 đồng, trong đó:

+ Lương người quản lý chuyên trách: 1.800.000.000 đồng (6 người)

+ Lương người lao động: 14.289.647.559 đồng (133 lao động bình quân)

+ Thù lao người quản lý không chuyên trách: 91.200.000 đồng

Đến ngày 31/12/2023 khoản nợ chi phí lương còn lại là: 1,444 tỷ đồng. (trong năm đã truy thu toàn bộ lương người quản lý, phần truy thu quỹ lương người lao động 1,409 tỷ đồng). Phần chênh lệch giữa quyết toán tiền lương người lao động 1,444 tỷ đồng, Công ty sẽ thu lại trong năm 2024.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban và toàn thể CBCNV của công ty. BKS đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2023 theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ hoạt động của công ty và được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể như sau:

- Tổ chức thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn BKS được quy định tại Điều lệ công ty, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng Nghị quyết, Quy chế, Quy định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, giám sát hoạt động tài chính, thẩm tra các báo cáo tài chính của công ty.

- Kiểm soát tính tuân thủ về mặt pháp lý các văn bản của công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, việc tuân thủ quy định về công bố thông tin của công ty, việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động.

- Kiểm soát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật của nhà nước có liên quan đến công tác tài chính kế toán của công ty, xem xét và kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm, công tác ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế...

II. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2024, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Có phương án tái cơ cấu công ty trung dài hạn phù hợp với chiến lược định hướng phát triển công ty trình Tập đoàn nhằm giúp công ty có hướng phát triển bền vững theo chiến lược chung của Tập đoàn.

- Về công tác kinh doanh: Phải có dự báo về tình hình thị trường trong từng giai đoạn để đưa ra nhiều phương án kinh doanh cho phù hợp nhằm đẩy mạnh SXKD ngày càng phát triển bền vững.

- Công ty cần có chiến lược kinh doanh nhằm mở rộng thêm sản phẩm khác để tiêu thụ, tìm kiếm thêm khách hàng trong và ngoài nước, mở rộng nhiều kênh bán hàng...

- Tiếp tục quản lý tốt lượng tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn sao cho vừa đảm bảo tỷ lệ thanh khoản hợp lý, vừa không gây lãng phí cho Công ty.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.
- Tiếp tục cơ cấu lại bộ máy tổ chức cho phù hợp với số lượng lao động trực tiếp, hiện nay tỷ lệ lao động gián tiếp/ lao động trực tiếp
- Ổn định sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ phế phẩm, kiểm soát tiêu hao định mức chặt chẽ.
- Có các hình thức khen thưởng động viên kịp thời cho người lao động nhằm giữ chân người lao động
- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

- Thực hiện đúng và đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty trong chấp hành Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế quản trị của công ty.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị và đề xuất các kiến nghị với Ban Tổng giám đốc trong tất cả các hoạt động để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Thẩm định báo cáo tài chính đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, trung thực. Phân tích, đánh giá những chỉ tiêu tài chính cơ bản, từ đó đưa ra những kiến nghị nhằm góp phần cho hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng có hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2023. BKS xin đánh giá theo thực trạng đề Đại hội đồng cổ đông có những quyết sách phù hợp trong tình hình khó khăn như hiện nay. Lời cuối cùng BKS xin tiếp thụ những ý kiến đóng góp của quý cổ đông giúp BKS hoạt động ngày một tốt hơn.

Một lần nữa thay mặt BKS Công ty cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru, tôi xin chân thành cảm ơn và kính chúc Quý lãnh đạo các cấp, Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống.

Xin trân trọng báo cáo!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Võ Trần Thúy Tâm

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Lưu VT; BKS.